

Thái Hoà, ngày 11 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Quang D, sinh năm 1970

Bị đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm: 1976

Trú tại: Xóm P, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Tất S, sinh năm 1977

Chị Đặng Thị H, sinh năm 1976

Đều trú tại: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An

Căn cứ vào các Điều 28; 48; 212; 213; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 430; 440 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2023, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Đỗ Quang D, sinh năm 1970

Chị Bùi Thị L, sinh năm: 1976

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Đỗ Quang D và chị Bùi Thị L thỏa thuận, thống nhất thuận tình ly hôn.

* **Về nuôi con chung:** Giao cho chị Bùi Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục một con chung của anh D, chị L là Đỗ Thị Thanh A, sinh ngày 04/4/2019 cho đến khi con chung trưởng thành.

Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Thi hành kể từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi con chung trưởng thành.

Anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* **Về quan hệ tài sản:**

- Về chia tài sản chung: Anh Đỗ Quang D và chị Bùi Thị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh D, chị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền còn nợ mua thức ăn chăn nuôi cho anh Nguyễn Tất S, chị Đặng Thị H là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng), chia kỷ phần cho anh D là 29.500.000 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), chị L là 29.500.000 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

* **Về án phí:** Anh Đỗ Quang D thỏa thuận chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí LHST và 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST (cấp dưỡng nuôi con) và 735.500 đồng (bảy trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh sinh, chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) mà anh D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008738 ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa. Anh D còn phải nộp số tiền 735.500 đồng (bảy trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Chị L thỏa thuận chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh sinh, chị H là 735.500 đồng (bảy trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng), được khấu trừ vào số tiền chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo biên lai số 0008804 ngày 16/5/2023 chị L đã nộp 6.175.000 đồng. Hoàn trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung còn lại là 5.439.500 đồng (năm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hoà;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hoà;
- UBND xã Đông Hiếu (để ghi vào sổ hộ tịch, giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 04/5/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Ngoan

